

N, ngày 16 tháng 4 năm 2021

Số: 15/2021/QĐST- DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: 1/ Ông **Ngô Văn T** - Sinh năm 1969, địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh B.

2/ Bà **Nguyễn Thị L** – Sinh năm 1969, địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh B.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Ngô Văn T*: Bà **Nguyễn Thị L** – Sinh năm 1969, địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh B (văn bản uỷ quyền ngày 01/3/2021).

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Trương Văn H** - Sinh năm 1965

2/ Bà **Nguyễn Thị U** - Sinh năm 1963

Cùng địa chỉ nơi trú: Ấp An Trạch Tây, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ L đới trả cho ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu tính tiền lãi. Thời hạn trả khi quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị U tự nguyện L đới chịu 4.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Nguyễn Thị U là thân nhân liệt sĩ nên được miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng); số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 3.375.000 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), ông Trương Văn H có nghĩa vụ nộp 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ L đới nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 4.675.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0005937 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh B cho ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị L.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự <sup>(3b)</sup>;
- VKSND huyện MCN<sup>(1b)</sup>;
- Chi cục THADS H.MCN<sup>(1b)</sup>;
- TAND tỉnh B<sup>(1b)</sup>;
- Lưu HS, VP <sup>(3b)</sup>. TC:9b.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trần Thị Thu Trang**